

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/8/2020  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 - có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1985 - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:* Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Đức L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, anh L không tu tỉnh làm ăn, quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 02 tháng 2010 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức A sinh ngày 26/01/2008 hiện nay đang ở cùng chị V, đời sống được đảm bảo phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị V đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Đức L trình bày:* Anh L và chị Nguyễn Thị V kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh năm 2007. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2009 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nặng nề không thể hòa giải được do anh L chơi bời, nghiện ngập. Vợ chồng đã sống ly thân 10 năm. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức A sinh ngày 20/01/2008 hiện nay đang ở cùng chị V. Sau khi ly hôn anh L đồng ý để chị Viên tiếp tục nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Anh L xác định không có.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giải quyết cho chị V được ly hôn anh Nguyễn Đức L và giao con Nguyễn Đức A cho chị V nuôi dưỡng, chị Viên không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự có ý thức chấp hành pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Đức A sinh ngày 26/01/2008. Anh Nguyễn Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị V. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức L có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Đức L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2007 tại UBND phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị V và anh L kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung, tuy nhiên sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V trình bày là do anh L ham chơi, mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Theo anh L trình bày vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L đến làm việc để tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh L không đến làm việc và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai anh L nhất trí ly hôn chị V. HĐXX xét thấy chị V và anh L sống ly thân nhau đã lâu, hai bên đều không có nguyện vọng đoàn tụ, chị V xin ly hôn anh L nhất trí chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị V được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức A sinh ngày 26/01/2008, hiện đang ở cùng chị V, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị V nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Anh L đồng ý giao con cho chị V nuôi. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2020, cháu Nguyễn Đức A có nguyện vọng được ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị V là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con. Nên giao con chung cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Do chị V không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V.

Anh Nguyễn Đức L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở L thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

- Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Đức A sinh ngày 26/01/2008. Anh Nguyễn Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị V. Anh Nguyễn Đức L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0001174 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

- Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND phường Đáp Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Vũ Văn Hợp**